

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Đang
Ông Nguyễn Thành
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - KH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 163/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L - sinh năm 1960
Địa chỉ: Tổ dân phố Phan Bội Châu 2, thị trấn DK, huyện DK.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bi đơn: Ông Nguyễn Vạn X - sinh năm 1960
Địa chỉ: Tổ dân phố Phan Bội Châu 2, thị trấn DK, huyện DK.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2018, bản tự khai ngày 28/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: bà và ông Nguyễn Vạn X tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981 và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn DK vào năm 1984. Giai đoạn đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông X thay đổi tính tình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên say xỉn, đánh đập và có những lời nói xúc phạm đến bà, không có sự đồng cảm, chia sẻ, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, dẫn đến kinh cãi thường xuyên, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông X vẫn không thay đổi bản tính. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc đến ông X nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Vạn X.

Về con chung: bà và ông X có 02 con chung là Nguyễn Thị NH - sinh năm 1982 và Nguyễn Văn H - sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định giữa bà và ông X không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn X trình bày: về thời gian chung sống và kết hôn như bà L đã nêu là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L luôn dùng những lời lẽ xúc phạm đến ông, dẫn đến cãi vã, xích mích, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ông xác định không còn tình cảm, yêu thương đối với bà L, nhưng vì ông muốn các con có cả cha và mẹ nên ông không chấp nhận ly hôn với bà L.

Về con chung: ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thị NH - sinh năm 1982 và Nguyễn Văn sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: ông xác định giữa ông và bà L không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông X cho rằng có vay mượn ông Mai Xuân S số tiền 10.000 USD; ông Man Thanh H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ông không biết thông tin về nơi cư trú của những người nêu trên và cũng không có giấy tờ gì để chứng minh về khoản nợ chung này nên không giấy tờ hay thông tin gì cung cấp được cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn X; về con chung: đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì; tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung. Bị đơn ông Nguyễn Văn X không đồng ý ly hôn; về con chung: đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì; về tài sản chung: không có; về nợ chung: có nợ ông Mai Xuân S số tiền 10.000 USD; ông Man Thanh H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ông xác định không biết thông tin về nơi cư trú của những người nêu trên và cũng không có giấy tờ gì để chứng minh về khoản nợ chung này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn X. Về con chung: các con đã trưởng thành, bà L và ông X không yêu cầu gì nên không xem xét. Về tài sản chung: bà L và ông X đều xác định không có nên không xem xét. Về nợ chung: Ông X không cung cấp tài liệu, giấy tờ gì về khoản nợ chung và cũng như thông tin nơi ở cư trú của ông Mai Xuân S, ông Man Thanh H nên không có cơ sở xem xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn X tự nguyện yêu thương nhau về sống chung như vợ chồng từ năm 1981 và đến năm 1984 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn DK, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 186/1984 ngày 03/01/1984 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà L cho rằng nguyên nhân là do ông X có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên say xỉn, đánh đập và có những lời nói xúc phạm đến bà, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X. Theo ông X cho rằng bà L luôn dùng những lời lẽ xúc phạm đến ông, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống gia đình

không hạnh phúc và không còn tình cảm, yêu thương đối với bà L, nhưng vì ông muốn các con có cả cha và mẹ nên ông không chấp nhận ly hôn với bà L. Dựa vào những điều bà L và ông X trình bày, thì có thể thấy rằng giữa bà L và ông X đã không còn tình cảm yêu thương gì với nhau, việc sống chung sẽ không đạt được mục đích của hôn nhân là vợ chồng thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, mâu thuẫn của bà L, ông X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xét cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Vạn X.

[2] Về con chung: vợ chồng bà L và ông X có 02 con chung là Nguyễn Thị NH - sinh năm 1982 và Nguyễn Văn H - sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành. Bà L và ông X không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà L và ông X đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Bà L xác định giữa bà và ông X không có nợ chung. Ông X cho rằng giữa ông và bà L có vay mượn ông Mai Xuân S số tiền 10.000 USD và ông Man Thanh H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), nhưng ông X không có tài liệu, giấy tờ gì về khoản nợ chung và cũng như thông tin nơi ở cư trú của những người nêu trên. Tòa án nhân dân huyện DK đã có Thông báo số 18/2018/CV-TA ngày 28/6/2018 về việc: “Cung cấp tài liệu, chứng cứ về khoản nợ chung của vợ chồng”, ông X cũng xác định không có tài liệu, chứng cứ gì về khoản nợ chung và cũng như thông tin nơi ở cư trú của những người này nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Vạn X.

[2]. Về tài sản chung: không có.

[3]. Về nợ chung: không xem xét.

[4]. Về án phí: bà Lê Thị L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018749 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - KH; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân thị trấn DK (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh